

Chính phủ duyệt và trình Chủ tịch nước quyết định.

Điều 3. - Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký đến khi kết thúc đợt trao giải thưởng nhân dịp 50 năm ngày thành lập nước.

Điều 4. - Chủ tịch Hội đồng Giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các thành viên trong Hội đồng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ
VÔ VĂN KIẾT

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 417-TTg ngày 17-7-1995 về việc tiếp tục chấn chỉnh tổ chức, tăng cường quản lý, lập lại trật tự, đẩy mạnh sản xuất trong khai thác và kinh doanh than.

Than mỏ là nguồn tài nguyên lớn, nguồn năng lượng quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với nhiều ngành kinh tế và tiêu dùng của nhân dân. Cũng như các khoáng sản khác, nguồn tài nguyên này không tái sinh. Vì vậy Tổng công ty Than Việt Nam cùng như các đơn vị khai thác kinh doanh than ở các địa phương phải cùng các cấp, các ngành có quy hoạch, kế hoạch thật cụ thể, đồng bộ để tổ chức khai thác đúng quy trình quy phạm, sử dụng tài nguyên và sản phẩm than một cách tiết kiệm, có hiệu quả, nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng nhanh trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

Do nhiều nguyên nhân mà trên thực tế trong nhiều năm qua tình hình bảo vệ tài nguyên có xu hướng bị buông lỏng, sản lượng khai thác than thấp, hệ số chuẩn bị tài nguyên bị giảm sút do không bóc hết đất đá mở ít đường lò chuẩn bị xe, máy, thiết bị cũ kỹ, lạc hậu về kỹ thuật thiếu phụ tùng thay thế; nạn khai thác và kinh doanh than trái phép đã diễn ra ở nhiều nơi mà nghiêm trọng nhất là ở các vùng mỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Trước tình hình trên, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 381-TTg ngày 27-7-1994 và Chỉ

thị số 382-TTg ngày 28-7-1994 nhằm sắp xếp tổ chức và lập lại trật tự trong khai thác kinh doanh than. Qua một năm thực hiện, tình hình sản xuất và kinh doanh than ở nhiều địa phương, đặc biệt là ở vùng mỏ Quảng Ninh đã có những chuyển biến rõ rệt. So với cùng kỳ năm ngoái và nhiều năm trước đó, sản lượng than khai thác, tiêu thụ nội địa và xuất khẩu, khối lượng bóc đất đá, đào lò chuẩn bị cũng như thu nhập bình quân tính theo đầu người đều tăng. Bên cạnh đó, các quy trình sản xuất đang dần dần đi vào nề nếp, trật tự trong khai thác và kinh doanh than đã có tiến bộ.

Các công ty trong ngành Than và các cấp chính quyền ở các địa phương nói chung và ở Quảng Ninh nói riêng đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện đổi mới quản lý, tăng cường mối quan hệ giữa các ngành với địa phương, làm cho ngành Than dần dần ổn định và hoạt động có nề nếp hơn so với các năm trước.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện các chủ trương của Thủ tướng Chính phủ đến nay vẫn còn có một số tồn tại trong việc kiện toàn tổ chức của Tổng công ty và việc lập lại trật tự trong khai thác, kinh doanh than tuy có tiến bộ nhưng chưa đủ vững chắc, thiếu những giải pháp cơ bản, triệt để và đồng bộ v.v...

Để bảo đảm thực hiện đúng tinh thần các Quyết định, Chỉ thị nói trên của Thủ tướng Chính phủ, trong cuộc họp ngày 2-7-1995 tại thành phố Hạ Long, sau khi nghe các ý kiến phát biểu của lãnh đạo các Bộ, ngành có liên quan, của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh, của Tổng Giám đốc và một số Giám đốc, thành viên của Tổng công ty Than, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Để đáp ứng nhu cầu về năng lượng trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước cùng với ngành Dầu khí, ngành Điện, ngành Than phải chủ động xem xét, kịp thời có phương án, giải pháp tích cực, đồng bộ, phấn đấu đến năm 2000 đạt sản lượng từ 10 triệu tấn than sạch trở lên và tiếp tục tăng vào các năm sau.

2. Trong phương hướng phát triển sản xuất, ngoài nhiệm vụ chủ yếu là phát triển sản xuất, kinh doanh than cũng như các sản phẩm chế biến từ than cần kết hợp phát triển công nghiệp sử dụng nguồn nguyên liệu và nhân lực sẵn có tại địa phương như công nghiệp sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng và các loại dịch vụ cho ngành Than, tranh khuyến khích chạy theo lợi nhuận đơn thuần mà mở rộng kinh doanh các sản phẩm không có liên quan tới ngành Than.

3. Bên cạnh tìm năng phát triển ngành công nghiệp khai thác than nói chung, riêng Quảng Ninh còn có thể mạnh trong phát triển ngành Du

lich, dịch vụ..., vì vậy khi lập quy hoạch, kế hoạch và toán bộ qua trình công nghệ điều nann san xuất than phải hết sức chú ý phát triển đồng bộ, tránh những hậu quả khó khắc phục liên quan đến quy hoạch sản xuất, xây dựng đô thị, bảo vệ môi trường...

4. Với đặc điểm vùng than Quảng Ninh là nơi tập trung số lượng công nhân lớn lại gắn bó nhiều thế hệ, Tổng công ty Than và tỉnh đều phải có trách nhiệm, thể hiện bằng những biện pháp tích cực, việc làm cụ thể để duy trì và phát triển ngành nghề, thu hút con em cán bộ, công nhân viên gắn bó với ngành Than, có biện pháp và hình thức thích hợp nâng cao đời sống và phúc lợi xã hội của công nhân vùng than.

5. Việc thực hiện Quyết định số 381-TTg ngày 27-7-1994 và Chỉ thị số 382-TTg ngày 28-7-1994 của Thủ tướng Chính phủ về lập lại trật tự trong khai thác và kinh doanh than không chỉ nhằm bảo vệ tài nguyên mà còn liên quan rất lớn đến việc bảo vệ môi trường; giữ nghiêm kỷ cương pháp luật. Không những cần phải có các biện pháp xử lý hành chính kiên quyết mà còn phải có các giải pháp rất đồng bộ, kết hợp giữa giáo dục, vận động nhân dân thực hiện pháp luật, với các biện pháp kinh tế cụ thể thì mới giải quyết được cơ bản, vững chắc trật tự, an toàn vùng mỏ.

Tổng công ty Than, các đơn vị khai thác, kinh doanh than của Nhà nước phải phối hợp chặt chẽ với tỉnh, gấp rút quy hoạch, phân định ranh mạch phạm vi, ranh giới quản lý, theo nguyên tắc mỏ nào cũng phải có chủ; chủ mỏ phải chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ khu vực mình phụ trách.

Tổng công ty Than Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cũng như Ủy ban Nhân dân các tỉnh có liên quan bàn bạc kỹ, đề ra các biện pháp và hình thức thích hợp nhằm tổ chức, sắp xếp lại số lao động, thiết bị khai thác kinh doanh than trái phép theo hướng như sau:

- Đối với số lao động có nghề nghiệp phù hợp, thiết bị bảo đảm an toàn thì cần có tổ chức thu hồi, tận dụng than trôi nổi trên các bãi, khe, rãnh, sông, suối; khai thác tận thu ở một số vỉa nhỏ nhưng phải cam kết thực hiện đúng các quy trình quy phạm của ngành Than và mua lại sản phẩm của họ.

- Đối với số lao động không có nghề nghiệp thì cần hướng dẫn, tạo điều kiện để họ có thể chuyển sang ngành nghề khác, có công ăn việc làm và có chính sách hỗ trợ vốn vay và giúp cho việc đào tạo nghề nghiệp thích hợp và tạo cơ sở vật chất cần thiết ban đầu. Các phương tiện như ô-tô, máy ủi... của các đối tượng này cần được tổ chức lại để

hợp đồng làm thuê cho ngành Than và các ngành khác hoặc mua lại nếu có nhu cầu.

Các cấp chính quyền địa phương phải tăng cường công tác quản lý Nhà nước, phối hợp với Tổng công ty Than giải quyết triệt để và cơ bản việc khai thác và tiêu thụ than trái phép; chấm dứt tình trạng "cai than", "đầu nậu", xử lý kiên quyết đối với những trường hợp cố tình vi phạm pháp luật, gây rối trật tự xã hội.

Tất cả các doanh nghiệp Nhà nước có sử dụng than đều phải có hợp đồng mua bán than (ngắn hạn hoặc dài hạn) với Tổng công ty hoặc các Công ty than của Nhà nước; doanh nghiệp nào có hành vi mua bán, vận chuyển than trái phép thì Giám đốc doanh nghiệp đó phải bị xử lý nghiêm về hành chính và pháp luật.

Bộ Công nghiệp năng có trách nhiệm quản lý Nhà nước về tài nguyên khoáng sản than trong phạm vi toàn quốc; Tổng công ty Than Việt Nam và các công ty, xí nghiệp than địa phương có trách nhiệm quản lý trực tiếp các khu vực mỏ được giao.

Ủy ban Nhân dân các cấp có trách nhiệm bảo vệ khu vực mỏ chưa khai thác, giám sát việc chấp hành Pháp lệnh về Tài nguyên khoáng sản: ngăn ngừa, đình chỉ và xử lý nghiêm các vi phạm về bảo vệ tài nguyên khoáng sản và môi trường; nắm chắc số người khai thác, kinh doanh than trái phép ở địa phương khác đến, buộc họ phải trở về nơi cư trú.

Việc thực hiện nghiêm túc các Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh sản xuất, ổn định trật tự trong khai thác là yêu cầu chung đối với các địa phương có than, đặc biệt là các địa phương có sản lượng khai thác lớn là Quảng Ninh, Bắc Thái, Lạng Sơn, Nghệ An v.v...

6. Về một số vấn đề cụ thể do Tổng công ty Than Việt Nam đề nghị:

a) Việc thực hiện quy chế thành viên của Tổng công ty đối với Công ty Đông Bắc và Công ty than Quảng Ninh, giao cho Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương đối mới doanh nghiệp chủ trì, bàn bạc kỹ với các Bộ, ngành và địa phương có liên quan nghiên cứu, quy định rõ ràng, theo đúng pháp luật trong Điều lệ sửa đổi của Tổng công ty để làm cơ sở cho các doanh nghiệp thành viên thực hiện.

b) Việc tổ chức, sắp xếp lại Công ty Cơ khí mỏ giao cho Ban Cơ khí Chính phủ phối hợp với Bộ Năng lượng và Tổng công ty Than Việt Nam nghiên cứu, phân tích rõ hiệu quả và năng lực hoạt động của các đơn vị trong Công ty này trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

c) Về hỗ trợ mỏ, trước mắt Tổng công ty Than Việt Nam phải căn cứ vào nhu cầu, xác định các

vùng nguyên liệu và có kế hoạch thật cụ thể để chủ động ký hợp đồng với các cơ sở nguyên liệu gỗ trụ mỏ, bảo đảm cung cấp đủ số lượng, chất lượng và đúng thời gian yêu cầu. Việc chuyển giao Liên hiệp gỗ trụ mỏ cho Tổng công ty cần được cân nhắc kỹ. Tổng công ty Than Việt Nam ban hành, thống nhất với Bộ Lâm nghiệp và báo cáo việc này với Thủ tướng Chính phủ.

d) Việc chuyển trụ sở chính của Tổng công ty Than Việt Nam về Hà Nội, trước mắt chưa nên thực hiện mà vẫn đặt ở thành phố Hạ Long để tập trung chỉ đạo cho mỏ vùng Quảng Ninh. Để thuận lợi cho công tác giao dịch, tiếp thị, Tổng công ty Than Việt Nam có Văn phòng giao dịch ở Hà Nội.

đ) Việc thực hiện chức năng Giám đốc điều hành cần phải được nghiên cứu kỹ vì có liên quan đến các doanh nghiệp khác. Giao cho Ban Chỉ đạo Trung ương đổi mới doanh nghiệp nghiên cứu vấn đề này để có kiến nghị cụ thể với Thủ tướng Chính phủ.

Thủ tướng Chính phủ
VÕ VĂN KIẾT

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 419-TTg ngày 21-7-1995 về cơ chế quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để khuyến khích việc nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống, đồng thời tiếp tục cải tiến công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ là nhiệm vụ của các cơ quan khoa học và công nghệ, của các cấp, các ngành ở Trung ương và địa phương, của các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và tư nhân.

Đầu tư cho phát triển khoa học công nghệ là nhiệm vụ của mọi cấp, mọi ngành và các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Thủ trưởng các Bộ, ngành, các cấp chính quyền; Giám đốc các doanh nghiệp, các cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các trường đại học có trách nhiệm tổ chức hoạt động khoa học công nghệ của ngành và đơn vị mình.

Điều 2.- Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các Bộ xây dựng kế hoạch dài hạn và hàng năm về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để Thủ tướng Chính phủ quyết định. Kế hoạch này bao gồm các nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Trên cơ sở ấy, bố trí tổng mức chi ngân sách của Nhà nước cho các hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều 3.- Việc xây dựng và quyết định các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do Nhà nước cấp kinh phí thực hiện như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ nhằm thực hiện các nhiệm vụ quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức xây dựng thành một số ít các chương trình và đề tài khoa học công nghệ trọng điểm trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn, sau đó lựa chọn để giao cho các cơ quan, đơn vị thực hiện. Không bố trí trùng lặp các chương trình, đề tài trọng điểm quốc gia với các nhiệm vụ nghiên cứu chuyên xuyên của các viện, trung tâm nghiên cứu, trường đại học.

Các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phải được xây dựng thành các chương trình, đề tài, dự án và được thẩm định theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng Bộ, ngành, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân địa phương quyết định kế hoạch, chương trình nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ của ngành, địa phương mình rồi giao cho các cơ quan trực thuộc Bộ, Ủy ban Nhân dân địa phương thực hiện. Kinh phí cho các nhiệm vụ này đặt trong ngân sách chung của Bộ, ngành và địa phương theo chức năng thường xuyên.

c) Các Trung tâm khoa học Quốc gia quyết định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của mình, sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Các Đại học Quốc gia quyết định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của mình sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch